



jiǎ ké
甲壳

noun · shell; carapace

Example Sentences

Wū guī de jiǎ ké fēi cháng jiān yìng
乌龟的甲壳非常坚硬。

The turtle's shell is very hard.

Páng xiè de jiǎ ké zài yáng guāng xià shǎn shǎn fā guāng
螃蟹的甲壳在阳光下闪闪发光。

The crab's carapace glistens in the sunlight.

Trace each character, then write the word on your own.

甲	甲	甲	甲	甲	甲	甲	甲												
壳	壳	壳	壳	壳	壳	壳	壳	壳	壳										